TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 3995/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/9/2023
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lượng

2. Ông Huỳnh Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Lê Quang Đạo – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1104/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2023 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5757/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ngọc M, sinh năm 2000

Thường trú: xã P, huyện D, tỉnh Đồng Nai.

Tạm trú: Đường T, Khu phố N, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Hà Văn C, sinh năm 1997

Thường trú: xã A, huyện P, tỉnh Gia Lai.

Tạm trú: Đường T, Khu phố N, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông Hà Văn C tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Ngọc, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai vào ngày 23/4/2021. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tự lập cùng nhau. Ban đầu, cuộc sống chung hạnh phúc bình thường, đến cuối năm 2022, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Để xác định lại tình cảm của mỗi bên nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2023 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, hai

bên không có thiện chí hòa giải, hàn gắn quan hệ vợ chồng. Hiện nay, bà M xác định tình cảm vợ chồng không còn, không mong muốn đoàn tụ với ông C. Do đó, bà M yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Hà Trần Bảo A, sinh ngày 22/12/2021. Bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung vì con chung hiện đang sinh sống cùng với bà M, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Bị đơn ông Hà Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không rõ lý do.

3. Tại phiên tòa:

3.1 Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc M có đơn xin vắng mặt trong phiên tòa xét xử vụ án và xác định yêu cầu khởi kiện như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà M yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Hà Trần Bảo A, sinh ngày 22/12/2021, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

3.2 Ông Hà Văn C đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

4.1 Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đồng thời, quyền và nghĩa vụ của đương sự được tôn trọng và bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

4.2 Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời khai của đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị Ngọc M yêu cầu được ly hôn với ông Hà Văn C. Theo Kết quả xác minh của Công an phường Trường Thọ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn ông C hiện đang cư trú tại Đường T, Khu phố N, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ tranh chấp là ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Nguyên đơn bà M có đơn đề nghị được vắng mặt trong phiên tòa xét xử vụ án. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.3] Bị đơn ông C đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của bà M, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc M và ông Hà Văn C tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 23/4/2021 và được Ủy ban nhân dân xã Phú Ngọc, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 42/2021. Do đó, căn cứ Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Điều 17 Luật Hộ tịch năm 2014, quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông C là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Xét thấy, trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ, bà M cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông C vì tình cảm vợ chồng đã không còn, vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc, yêu thương lẫn nhau. Cuộc sống vợ chồng giữa hai bên đã không còn tồn tại trên thực tế. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà M và ông C đã thật sự trầm trọng, khả năng hàn gắn đoàn tụ gia đình không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M.

[2.2] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh đăng ký ngày 08/02/2022 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện P, tỉnh Gia Lai, Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở xác định bà M và ông C có 01 con chung tên Hà Trần Bảo A, sinh ngày 22/12/2021.

Hội đồng xét xử xét thấy bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, con chung dưới 03 tuổi, hiện đang sinh sống cùng với bà M. Do đó, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M, giao con chung cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà M không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà M xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà M phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 8, 9, 19, 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 17 Luật Hộ tịch năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc M.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị Ngọc M và ông Hà Văn C.

1.2 Về con chung: Bà Trần Thị Ngọc M và ông Hà Văn C có 01 con chung tên Hà Trần Bảo A, sinh ngày 22/12/2021.

Giao con chung tên Hà Trần Bảo A cho bà Trần Thị Ngọc M trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị Ngọc M không yêu cầu ông Hà Văn C cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

1.3 Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Ngọc M phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0003226 ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị Ngọc M đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Ngọc M và ông Hà Văn C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- VKSND TP. Thủ Đức, TPHCM;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức, TPHCM;
- Đương sự;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phương Châu